CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT SẢN PHẨM TRỒNG TRỌT

ThS. Tăng Bá Phúc[*]

Giới thiệu:

Thực tế hiện nay có ít các chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả sản xuất sản phẩm trồng trọt (Chỉ tiêu T0801: Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản). Theo Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, chưa có chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất sản phẩm trồng trọt cây hàng năm. Vì vậy cần có một chỉ tiêu đánh giá hiệu quả để xác định lợi thế so sánh giữa các mô hình sản xuất của 1 loại cây hoặc giữa các loại cây khác nhau, hoặc so sánh giữa địa phương này với địa phương khác.

Thứ hai, do nhu cầu sử dụng thông tin của lãnh đạo địa phương cần xác định được lợi thế, thế mạnh của sản phẩm nông nghiệp nào đem lại hiệu quả kinh tế, giá trị cho sản xuất và đời sống, môi trường và lợi thế so sánh giữa các địa phương. Đồng thời xác định căn cứ để đánh giá hiệu quả quá trình thực hiện Nghị quyết tỉnh Đảng bộ lần thứ XX (2021-2025) của tỉnh Thái Bình.

Thứ ba, mối liên hệ phát triển kinh tế, xã hội của từng tỉnh trong vùng ngày càng có quan hệ chặt chẽ với nhau, tương hỗ với nhau cùng thực hiện các dự án phát triển kinh tế, nâng cao đời sống xã hội. Xác định được lợi thế sản xuất sản phẩm trồng trọt nào nhằm đem lại hiệu quả trong mối liên kết vùng để phân vùng sản xuất hỗ trợ cùng phát triển và gia tăng giá trị tăng thêm, thúc đẩy sản xuất hàng hóa gắn với quy trình sản xuất an toàn, hiệu quả nâng cao giá trị sản phẩm.

Mục tiêu là đề xuất chỉ tiêu đánh giá hiệu quả trong sản xuất một số sản phẩm trồng trọt chủ yếu trên địa bàn tỉnh Thái Bình là cần thiết, từ đó để xác định lợi thế so sánh giữa các mô hình sản xuất của 01 loại cây hoặc giữa các loại cây khác nhau, hoặc so sánh giữa địa phương này với địa phương khác.

1. Lý luận về hiệu quả sản xuất và các chỉ tiêu đo lường hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp

Cải thiện hiệu quả trong sản xuất nông nghiệp là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu của cấp ủy chính quyền địa phương các cấp. Trong nhiều năm gần đây, ngành nông nghiệp luôn phải đối mặt với tình trạng sản xuất nhiều nhưng lợi nhuận thấp, thậm chí thua lỗ, điều đó tiềm ẩn những bất ổn và tác động tiêu cực đến sinh kế nông nghiệp và các vấn đề an sinh xã hội. Do đó, hiệu quả sản xuất nông

[*] *Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Thái Bình*

nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng đến chỉ tiêu này là một trong những chủ đề được quan tâm rộng rãi bởi các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách, lãnh đạo các cấp và ngành nông nghiệp tỉnh Thái Bình cũng như cả nước.

Có nhiều cách tiếp cận khác nhau trong việc tính toán các chỉ tiêu hiệu quả sản xuất, trong đó hiệu quả lợi nhuận là một chỉ tiêu phản ánh tiến bộ của nông nghiệp trong mối quan hệ với thị trường. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong bối cảnh ngành nông nghiệp đang chuyển sang giai đoạn sản xuất với quy mô lớn và sản phẩm có tính định hướng thị trường cao, nhằm tận dụng các cơ hội mở ra từ sự chuyển dịch trong nhu cầu tiêu thụ nông sản do thu nhập tăng cũng như từ quá trình hội nhập. Theo đó, hiệu quả lợi nhuận không chỉ thể hiện sự tiến bộ trong năng suất và chất lượng sản phẩm mà còn chứa đựng sự cải thiện trong mối quan hệ ở phía đầu ra của ngành nông nghiệp.

Ngoài ra, quy mô của công nghiệp chế biến, các hoạt động và dịch vụ thương mại nông sản, đào tạo nghề lao động,... là những nhân tố vĩ mô ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả sản xuất nông nghiệp, bên cạnh tác động của những nhân tố đầu vào quen thuộc như đất đai, phân bón, giống cây trồng,...

Đo lường hiệu quả là một vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong nghiên cứu thực nghiệm về những tiến bộ đạt được trong sản xuất nông nghiệp. Các thước đo năng suất truyền thống như năng suất sản lượng hay năng suất lao động, giá trị trên một ha đất trồng trọt được tính toán khá đơn giản không phản ánh một cách đầy đủ về hiệu quả đạt được trong sản xuất nông nghiệp.

Trong bài toán lợi nhuận, hiệu quả kỹ thuật được xem xét với nhiều khía cạnh khác nhau, bao gồm: hiệu quả chi phí, hiệu quả doanh thu và hiệu quả lợi nhuận, trong đó hiệu quả lợi nhuận là do sử dụng hợp lý các nguồn lực hiện có với mức giá của các yếu tố đầu vào cho trước để làm tăng lợi nhuận nông nghiệp. Theo cách tiếp cận này, hiệu quả lợi nhuận là thước đo thể hiện một cách rõ nét nhất sự tiến bộ của nông nghiệp trong mối quan hệ với thị trường ở cả đầu vào và đầu ra sản phẩm.

Hiệu quả lợi nhuận nông nghiệp được đo lường theo nhiều cách khác nhau, trong đó SFA (stochastic frontier analysis) là một phương pháp phi tham số được sử dụng rộng rãi trong nhiều nghiên cứu thực nghiệm. SFA giúp ước lượng ra hàm sản xuất biên ngẫu nhiên, ở đó sai số ngẫu nhiên được phân tách thành hai thành phần gồm một thành phần là sai số ngẫu nhiên và thành phần còn lại là phi hiệu quả kỹ thuật (Battesse và Coelli, 1995). Theo Aigner và Chu (1968), tác động từ những cú sốc ngẫu nhiên trên thực tế là nguyên nhân dẫn đến đầu ra thực tế nằm dưới đường giới hạn khả năng sản xuất và theo đó, hiệu quả lợi nhuận được xác định là tỷ số lợi nhuận thực tế với lợi nhuận tối ưu trong điều kiện mức giá các yếu tố và các nguồn lực đầu vào cho trước.

1.1. Một số khái niệm liên quan đến chỉ tiêu đánh giá hiệu quả

(1) Khái niệm về chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất bao gồm những chi phí hợp lý mà hộ sản xuất đã chi: đối với cây trồng là trong một vụ sản xuất. Chi phí sản xuất hợp lý là tất cả chi phí cần thiết để sản xuất mà thực tế hộ sản xuất đã chi ra trong quá trình sản xuất như:

- Chi phí về giống, phân bón, thức ăn

- Chi phí về thuốc bảo vệ thực vật, nguyên nhiên liệu, thuế, lệ phí, khấu hao TSCĐ, thuốc thú y, chi trực tiếp khác...

- Chi phí dịch vụ thuê ngoài.

- Chi phí máy móc và lao động tự làm của hộ.

(2) Khái niệm về giá thành sản phẩm:

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các chi phí về sản xuất và các chi phí trong quá trình sản xuất trừ đi giá trị sản phẩm tận thu của đối tượng sản xuất (cây trồng) trên tổng sản lượng thực tế mà đối tượng sản xuất thu được trong một vụ sản xuất (cây trồng).

Xác định giá thành sản phẩm thực tế:

$$\text{Giá thành sản phẩm 1 kg đối tượng sản xuất (đ/kg)} = \frac{\text{Tổng chi phí sản xuất thực tế (-) Giá trị sản phẩm phụ}}{\text{Sản lượng mà đối tượng sản xuất thu được (kg)}}$$

(3) Khái niệm về giá bán sản phẩm

Giá bán là một phạm trù kinh tế khách quan phát sinh, phát triển cùng với sự ra đời và phát triển của sản xuất hàng hoá. Giá bán là biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hoá, đồng thời cũng biểu hiện tổng hợp các quan hệ kinh tế như cung - cầu hàng hoá, tích luỹ và tiêu dùng, cạnh tranh…

Giá trị hàng hoá là giá trị thị trường, giá trị được thừa nhận của người mua. Giá trị luôn quyết định giá cả thị trường, là nội dung, là bản chất của giá bán. Ngược lại, giá bán là hình thức, là hiện tượng của giá trị. Giá bán là quan hệ về lợi ích kinh tế, là tiêu chuẩn để những người sản xuất lựa chọn sản phẩm để sản xuất.

(4) Khái niệm lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận

Lợi nhuận trong sản xuất nông nghiệp là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá thành sản phẩm thu được từ việc sản xuất ra một đơn vị sản phẩm, trong một chu kỳ sản xuất của sản phẩm nông nghiệp.

Tỷ lệ lợi nhuận là chỉ tiêu tương đối phản ánh quan hệ giữa lợi nhuận thu được từ 1 đơn vị sản phẩm và giá thành sản xuất của 1 đơn vị sản phẩm trong một chu kỳ sản xuất.

(5) Khái niệm về hiệu quả kinh tế

Hiệu quả kinh tế là một phạm trù kinh tế thể hiện mối tương quan giữa kết quả và chi phí. Mối tương quan ấy có thể là phép trừ, phép chia của các yếu tố đại diện cho kết quả và chi phí. Hiệu quả kinh tế phản ánh trình độ khai thác các yếu tố đầu tư, các nguồn lực tự nhiên và phương thức quản lý.

Bản chất của hiệu quả kinh tế: Khi nghiên cứu về bản chất kinh tế các nhà kinh tế học đã đưa ra những quan điểm khác nhau nhưng đều thống nhất chung bản chất của nó. Người sản xuất muốn có lợi nhuận thì phải bỏ ra những chi phí nhất định, những chi phí đó là: nhân lực, vật lực, vốn…. Chúng ta tiến hành so sánh kết quả đạt được sau một quá trình sản xuất kinh doanh với chi phí bỏ ra thì có hiệu quả kinh tế. Sự chênh lệch này càng cao thì hiệu quả kinh tế càng lớn và ngược lại. Bản chất của hiệu quả kinh tế là nâng cao năng suất lao động xã hội và tiết kiệm lao động xã hội.

Nâng cao năng suất lao động xã hội và tiết kiệm lao động xã hội là hai mặt của một vấn đề kinh tế. Tuy nhiên, hai mặt này có mối quan hệ mật thiết với nhau, gắn liền với quy luật tương ứng của nền kinh tế xã hội, là quy luật tăng năng suất lao động và quy luật tiết kiệm thời gian. Yêu cầu của việc nâng cao hiệu quả kinh tế là đạt được hiệu quả tối đa về chi phí nhất định hoặc ngược lại, đạt được kết quả nhất định với chi phí tối thiểu. Chi phí ở đây được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả chi phí để tạo ra nguồn lực, đồng thời phải bao gồm cả chi phí cơ hội.

1.2. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả trong sản xuất trồng trọt

Giá trị sản xuất nông nghiệp (**GO):** Toàn bộ giá trị của cải vật chất và dịch vụ được sản xuất ra trong nông nghiệp trong một thời gian nhất định thường là 1 năm (Đối với một loại cây trồng thường là 1 vụ sản xuất)

$$\textbf{GO} = \sum_{i=0}^{i=n} Q_i P_i$$

Trong đó: Pi: đơn giá/sản phẩm

Qi: khối lượng sản phẩm thứ i

Tổng chi phí (TC): Là tổng số chi phí về vật chất, dịch vụ và lao động đã đầu tư cho việc tổ chức và tiến hành sản xuất trong năm hoặc của vụ sản xuất.

TC = IC + A (khấu hao) + CL (lđ gia đình và các vật chất tự có)

Chi phí trung gian (IC): Là bộ phận cấu thành của tổng giá trị sản xuất bao gồm toàn bộ chi phí thường xuyên về vật chất và dịch vụ cho sản xuất sản phẩm nông nghiệp. Chi phí trung gian trong hoạt động sản xuất bao gồm chi phí vật chất trực tiếp và chi phí dịch vụ thuê.

IC = chi phí vật chất + chi phí dịch vụ (mua hoặc thuê ngoài)

Giá trị tăng thêm hay giá trị gia tăng (VA): Là chỉ tiêu phản ánh những phần giá trị do lao động sản xuất ra trong một thời kỳ nhất định. Đó chính là một bộ phận của giá trị sản xuất còn lại sau khi trừ đi chi phí trung gian.

VA = GO - IC

Thu nhập hỗn hợp (MI): Là phần thu nhập thuần túy bao gồm cả công lao động của gia đình tham gia sản xuất.

MI = VA – A – Thuế

Lợi nhuận (**LN):** Là hiệu số giữa doanh thu và chi phí.

LN = GO – TC

1.3. Ý nghĩa của việc xác định hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp

- Biết được mức hiệu quả của việc sử dụng nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp, các nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế để có biện pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.

- Làm căn cứ để xác định phương hướng đạt tăng trưởng cao trong sản xuất nông nghiệp. Nếu hiệu quả kinh tế còn thấp thì có thể tăng sản lượng nông nghiệp bằng các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh tế, ngược lại đạt được hiệu quả kinh tế cao thì để tăng sản lượng cần đổi mới công nghệ.

- Việc xác định hiệu quả một số cây trồng trong sản xuất nông nghiệp để người sản xuất có những so sánh lựa chọn loại cây trồng sản xuất cho hiệu quả kinh tế cao, đồng thời giúp nhà quản lý đưa ra các khuyến nghị và có những chính sách hỗ trợ, định hướng trong sản xuất.

Qua các nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã đưa ra một số chỉ tiêu liên quan đến đánh giá hiêu quả như: chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, giá bán sản phẩm lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận. Đồng thời đưa ra các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả như: giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm, thu nhập hỗn hợp và lợi nhuận, các chỉ tiêu tương ứng tính trên 1 đơn vị diện tích sản xuất trồng trọt, trên 1 đơn vị chi phí trung gian, giá trị tăng thêm trên giá trị sản xuất, giá trị sản xuất trên ngày công lao động, giá trị tăng thêm trên ngày công lao động, tỷ suất lợi nhuận trên tổng chi phí. Nêu lên được ý nghĩa của xác định hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.

2. Đề xuất chỉ tiêu đánh giá hiệu quả trong sản xuất cây lúa và một số cây hàng năm chủ yếu trên địa bàn tỉnh Thái Bình

Nguyên tắc đề xuất

Nguyên tắc chỉ tiêu lựa chọn đề xuất chỉ tiêu đánh giá hiệu quả trong sản xuất cây hàng năm là:

- Nhằm cung cấp thông tin thống kê phục vụ các mục đích đáp ứng yêu cầu đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, xây dựng kế hoạch, quy hoạch chính sách, quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội trong khu vực nông nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội;

- Đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Việc đề xuất chỉ tiêu đánh giá hiệu quả trong sản xuất cây lúa và một số cây hàng năm

chủ yếu trên địa bàn tỉnh Thái Bình đảm bảo tính khả thi trong việc tính toán;

- Và phù hợp với điều kiện kinh tế của địa phương.

Đề xuất chỉ tiêu đánh giá hiệu quả trong sản xuất cây lúa và một số cây hàng năm chủ yếu trên địa bàn tỉnh Thái Bình

Trên cơ sở nguyên tắc chỉ tiêu lựa chọn đề xuất chỉ tiêu đánh giá hiệu quả trong sản xuất cây hàng năm trên địa bàn tỉnh Thái Bình, nhóm nghiên cứu đề xuất chỉ tiêu đánh giá gồm:

(1) Chỉ tiêu "Lợi nhuận thu được của một đơn vị diện tích" (sào) sản xuất cây lúa và một số cây hàng năm chủ yếu" công thức tính:

LN = GO – TC

LN: Là hiệu số giữa doanh thu và chi phí

GO: Tổng giá trị sản xuất của một đơn vị diện tích

TC: Tổng chi phí sản xuất của một đơn vị diện tích

Khái niệm: Lợi nhuận là phần tài sản mà nhà đầu tư (hộ sản xuất) nhận thêm nhờ đầu tư sau khi đã trừ đi các chi phí liên quan đến đầu tư đó; là phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí trên một đơn vị sản xuất.

Phương pháp tính: Thu thập thông tin liên quan đến doanh thu và chi phí (chi phí vật chất và dịch vụ, thuế, phí...) của cây lúa và một số cây trọng điểm.

Kỳ công bố: hàng năm

Nguồn số liệu: Điều tra thống kê chọn mẫu

Cơ quan chịu trách nhiệm triển khai thu thập: Cục Thống kê

Tuy nhiên, trong thực tế hộ cá thể tự sản xuất khó phân tách tiền lương, tiền công do hộ tự làm vì vậy có thể xác định số tiền công bình quân/tháng theo mức lương tối thiểu vùng được công bố hàng năm của nhà nước, từ đó tính tiền công bình quân ngày nhân với số công thực tế sản xuất trên một đơn vị diện tích.

Thực tế trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình hiện nay lao động trong khu vực nông nghiệp tỉ lệ người cao tuổi chiếm tỉ trọng lớn, một số lao động khó kiếm việc làm, thiếu việc làm xác định sản xuất nông nghiệp là "lấy công làm lãi" tức là quan tâm đến "Thu nhập hỗn hợp" (gồm tiền công lao động và lợi nhuận) vì vậy nếu có chỉ tiêu về "Thu nhập hỗn hợp" của một số cây trồng trọng điểm thì sẽ có cơ sở lựa chọn một số loại cây trồng phù hợp với điều kiện lao động của hộ.

(2) Chỉ tiêu "Thu nhập hỗn hợp của một đơn vị diện tích" (sào) sản xuất cây lúa và một số cây hàng năm chủ yếu" công thức tính:

Thu nhập hỗn hợp (MI): Là phần thu nhập thuần túy bao gồm cả công lao động của gia đình tham gia sản xuất (công lao động và lợi nhuận).

MI = VA – A – Thuế

Trong đó: VA = GO – IC;

GO: Tổng giá trị sản xuất

IC = chi phí vật chất + chi phí dịch vụ (mua hoặc thuê ngoài)

A: là chi phí khấu hao (nếu có)

Khái niệm: Thu nhập hỗn hợp (MI) là phần thu nhập thuần túy bao gồm cả công lao động của gia đình tham gia sản xuất (công lao động và lợi nhuận).

Phương pháp tính: Thu thập thông tin liên quan đến doanh thu và chi phí (chi phí vật chất và dịch vụ, thuế, phí...) của cây lúa và một số cây trọng điểm.

Kỳ công bố: hàng năm

Nguồn số liệu: Điều tra thống kê chọn mẫu

Cơ quan chịu trách nhiệm triển khai thu thập: Cục Thống kê

3. Tính thử nghiệm chỉ tiêu đánh giá hiệu quả trong sản xuất cây lúa và một số cây hàng năm chủ yếu

Trên cơ sở phương pháp tính toán, tiến hành xây dựng phiếu điều tra và thu thập thông tin tổng hợp số liệu cụ thể:

3.1. Cây lúa

Cơ giới hóa trong gieo cấy lúa

Áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa là thực hiện một trong các khâu từ làm đất, gieo cấy, chăm sóc, thu hoạch, phơi sấy để nâng cao, chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập cho người trồng lúa. Hiện trạng áp dụng máy móc cơ giới hóa trong sản xuất lúa tại các huyện chủ yếu ở các khâu: Làm đất, tưới tiêu, thu hoạch và vận chuyển. Đối với khâu gieo cấy, mới chỉ một số hộ áp dụng cấy lúa bằng máy, còn lại hầu hết các hộ đều áp dụng phương pháp thủ công, mất nhiều công sức lao động.

Bảng 1. Tỷ lệ hộ sản xuất lúa áp dụng máy móc thiết bị

Đơn vị: %

Làm đất	Tưới tiêu	Thu hoạch	Vận chuyển
100	100	96,31	92,25

Cơ giới hóa trong khâu làm đất, tưới tiêu đạt tỷ lệ 100%. Cơ giới hóa đã giải quyết khâu lao động nặng nhọc, tính thời vụ, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh của nông sản, thúc đẩy quá trình liên kết sản xuất, hình thành các tổ chức dịch vụ ở nông thôn (làm đất, gieo cấy, phun thuốc bảo vệ thực vật, thu hoạch, vận chuyển). Để hiện thực hóa mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, thời gian qua tỉnh đã tập trung hỗ trợ nông dân đầu tư máy móc vào các khâu làm đất, thu hoạch. Đến nay, tỷ lệ cơ giới hóa khâu làm đất đạt 100%, khâu thu hoạch đạt trên 90%, khâu gieo cấy đạt khoảng 20%.

Chi phí sản xuất lúa

a) Chi phí lao động tự làm trong sản xuất gieo trồng lúa

Đặc điểm của sản xuất nông hộ là người nông dân tham gia đầu tư vào quá trình gieo cấy của mình thông qua lao động của bản thân và gia đình. Do vậy thu nhập mà họ thu lại hàng năm bao gồm cả phần lao động tự làm và tạo nên thu nhập hỗn hợp. Mức đầu tư lao động gia đình của các hộ trồng lúa rất khác nhau theo điều kiện của từng hộ và thổ nhưỡng. Lao động tự làm bình quân của các hộ có thực hiện gieo cấy là 4,77 công/sào.

Bảng 2. Công tự làm của hộ gieo cấy lúa

Đơn vị: Công/sào

Làm đất	Gieo cấy	Phun thuốc	Bón phân	Chăm sóc	Vận chuyển	Phơi sấy	Tổng
0,33	0,48	0,57	0,41	2,62	0,14	0,23	4,77

b) Chi phí vật chất

Chi phí vật chất của hộ gieo cấy lúa tập trung chủ yếu ở một số khoản mục chi về giống, phân bón (phân chuồng, phân vi sinh, đạm, lân, kali, phân bón tổng hợp và thuốc bảo vệ thực vật…).

Số liệu điều tra cho thấy để gieo cấy 01 sào lúa người nông dân cần sử dụng các loại phân bón vô cơ bón đơn hoặc bón tổng hợp tùy thuộc vào điều kiện thổ nhưỡng từng vùng. Như vậy, mức đầu tư vật chất bao gồm giống và phân bón thuốc bảo vệ thực vật tính trên 01 sào lúa dao động ở mức từ 432-454 nghìn đồng.

Chi phí vật chất tính bằng tiền cho 01 sào lúa bình quân là 443 nghìn đồng, các khoản chi phí có tỷ trọng lớn là phân bón chiếm 63,9% tổng chi phí vật chất, tiếp đến là thuốc bảo vệ thực vật chiếm 21,2%, còn lại là giống.

Bảng 3. Chi phí vật chất của hộ gieo cấy lúa

Đơn vị: 1000 đồng/sào

Chi phí giống	Chi phí phân đạm	Chi phí phân lân	Chi phí phân kali	Chi phí phân bón tổng hợp	Chi phí thuốc BVTV	Tổng chi phí vật chất
65	61	22	34	166	94	443

c) Chi phí thuê dịch vụ

Ngoài chi phí vật chất như giống, phân bón người trồng lúa còn đầu tư một số khoản dịch vụ như thuê đất, bảo vệ đồng ruộng,bảo vệ thực vật, thủy lợi nội đồng… hay những khoản thuê dịch vụ theo công đoạn của sản xuất như thuê làm đất, gieo cấy, phun thuốc, thu hoạch,vận chuyển,…

Số liệu điều tra cho thấy tổng chi phí dịch vụ mà người nông dân bỏ ra trên 01 sào lúa bình quân là 678 nghìn đồng; trong đó chi phí thuê dịch vụ gieo cấy chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng chi phí dịch vụ (chiếm 34,1%), chí phí thuê làm đất chiếm 20,8%, thu hoạch chiếm 19,6%...

Bảng 4. Chi phí thuê dịch vụ gieo cấy lúa

Đơn vị: 1000 đồng/sào

Chi phí thuê làm đất	Chi phí gieo cấy	Chi phí phun thuốc, bón phân	Chi phí thu hoạch	Chi phí vận chuyển	Các loại chi phí khác	Tổng chi phí dịch vụ
141	231	55	133	44	74	678

d) Tổng hợp chi phí

Tổng chi phí gieo cấy lúa bình quân 01 sào là 1.120 nghìn đồng, bao gồm chi phí vật chất chiếm 39,5% và dịch vụ thuê ngoài chiếm 60,5% (không tính công lao động gia đình tự làm). Những khoản chi phí này sẽ được hoàn lại khi thu hoạch lúa, mức chi phí các loại dịch vụ cũng rất khác nhau theo từng vùng thổ nhưỡng, từng địa bàn điều tra.

Bảng 5. Tổng hợp chi phí gieo cấy lúa

Đơn vị: 1000 đồng/sào

Chi phí vật chất	Chi phí dịch vụ	Tổng chi phí
443	678	1120

e) Giá thành 01 kg thóc

Kết quả điều tra cho thấy cơ cấu giá thành sản phẩm phụ thuộc vào các yếu tố chính: Chi phí vật chất, chi phí lao động tự làm, chi phí dịch vụ. Giá thành sản xuất 01 kg thóc bình quân các huyện, thành phố là 4.750 đồng/kg.

Bảng 6. Giá thành sản xuất lúa

Đơn vị: 1000 đồng/sào

Năng suất (kg/sào)	Tổng CPSX (1000/sào)	Giá thành (1000/kg)
236	1120	4,75

Qua số liệu điều tra cho thấy giá thành sản xuất 01 kg thóc ở các địa phương có sự chênh lệch chủ yếu là do các hộ sử dụng giống gieo trồng khác nhau và chi phí sản xuất các giống lúa khác nhau theo điều kiện của từng vùng thổ nhưỡng.

Hiệu quả sản xuất lúa

Để đánh giá hiệu quả kinh tế trong sản xuất gieo cấy lúa của nông hộ, căn cứ vào một số tiêu chí chính như: doanh thu, thu nhập, tỷ lệ thu nhập trên chi phí…

a) Doanh thu

Kết quả điều tra cho thấy giá bán thóc phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng từng giống lúa, nhu cầu của thị trường. Giá bán 01kg thóc bình quân là 8.680 đồng/kg.

Bảng 7. Doanh thu của hộ gieo cấy lúa

Đơn vị: 1000 đồng/sào

Năng suất *(kg/sào)*	Giá thành *(1000đ/kg)*	Giá bán *(1000đ/kg)*	Doanh thu *(1000đ/sào)*
236	4,75	8,68	2045

b) Lợi nhuận

Do giá thành, giá bán và năng suất của từng giống lúa khác nhau dẫn đến thu nhập bình quân của các hộ gieo trồng lúa có sự khác biệt. Thu nhập bình quân của các hộ gieo cấy lúa ở mức 924 nghìn đồng/sào.

Bảng 8. Thu nhập của hộ gieo trồng lúa

Đơn vị: 1000 đồng/sào

Năng suất *(kg/sào)*	Giá thành *(1000đ/kg)*	Giá bán *(1000đ/kg)*	Tổng CPSX *(1000đ/sào*	Doanh thu *(1000đ/sào*)	Thu nhập *(1000đ/sào)*
236	4,75	8,68	1120	2045	924

c) Hiệu quả

Hiệu quả sản xuất lúa của các hộ được đánh giá thông qua tỷ lệ giữa lợi nhuận và tổng chi phí đầu tư cho 01 sào gieo cấy (tỷ suất lợi nhuận). Con số này dao động phụ thuộc vào vùng thổ nhưỡng và địa bàn điều tra.

Bảng 9. Hiệu quả sản xuất lúa

Năng suất *(kg/sào)*	Giá thành *(1000đ/ kg)*	Giá bán *(1000đ/kg)*	Tổng CPSX *(1000đ/ sào)*	Doanh thu *(1000đ/sào)*	Thu nhập *(1000đ/sào)*	Lợi nhuận *(1000đ/sào)*	Tỷ suất lợi nhuận *%*
236	4,75	8,68	1120	2045	924	220	0,20

d) Tiêu thụ thóc

Sản phẩm thóc được tiêu thụ chủ yếu tại nhà của các hộ sản xuất và tại các chợ địa phương. Khách hàng của người gieo cấy lúa chủ yếu là thương lái và người mua lẻ.

3.2. Cây ngô, cây khoai tây, cây bí xanh, cây dưa chuột

Áp dụng tính toán tương tự với cây ngô, cây khoai tây, cây bí xanh, cây dưa chuột lần lượt ta có số liệu thu nhập của hộ theo Bảng 10 sau:

Bảng 10. Hiệu quả sản xuất các loại cây

	Năng suất *(kg/sào)*	Giá thành *(1000đ/kg)*	Giá bán *(1000đ/kg)*	Tổng CPSX *(1000đ/sào)*	Doanh thu *(1000đ/sào)*	Thu nhập *(1000đ/sào)*	Lợi nhuận *(1000đ/sào)*	Tỷ suất lợi nhuận *%*
Cây ngô	207	3,30	7,82	682	1.617	935	132	0,19
Cây khoai tây	559	3,88	10,08	2.169	5.633	3.464	1.234	0,57
Cây bí xanh	907	1,8	7,4	1.655	6.679	5.024	824	0,50
Cây dưa chuột	1.097	2,8	8,5	3.020	9.294	6.274	1 233	0,41

4. Phân tích kết quả thử nghiệm

Cây lúa

Qua điều tra cho thấy diện tích đất sản xuất của hộ nông dân còn nhỏ lẻ, không tập trung. Chi phí đầu vào cao như: phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Ảnh hưởng biến đổi khí hậu đến sinh trưởng và phát triển của cây lúa, những thay đổi bất thường của thời tiết khiến quá trình chăm sóc gặp nhiều khó khăn. Thị trường luôn biến động, các mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ và sự gắn kết chuỗi giá trị sản phẩm chưa thật sự chặt chẽ, còn mang tính hình thức.

Để phát huy hiệu quả cao cần triển khai xây dựng mô hình liên kết sản xuất giữa người gieo trồng với các doanh nghiệp. Cần đa dạng liên kết trong từng khâu hay liên kết nhiều khâu trong quá trình sản xuất và tiêu thụ, liên kết nhiều thành phần trong chuỗi sản phẩm từ cung cấp vật tư đầu vào đến cung ứng sản phẩm cho người tiêu dùng.

Ứng dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến để đạt chất lượng cao, đồng đều theo hướng an toàn, đáp ứng nhu cầu thị trường. Tăng cường công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật trong thâm canh, quản lý dịch hại.

Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu để thu hút khách hàng qua các kênh: Hội chợ trong và ngoài nước, internet... Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã tham gia hội chợ triển lãm nông sản trong và ngoài nước nhằm giới thiệu và quảng bá sản phẩm. Xây dựng chương trình phát triển thị trường, thu hút đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp hình thành kênh phân phối đến thị trường tiêu thụ. Tỷ suất lợi nhuận cây lúa bình quân đạt 0,20 lần (Lợi nhuận/Tổng chi phí).

Cây ngô

Để nâng cao năng suất, trong những năm qua người nông dân đã sử dụng các giống ngô mới năng suất cao, chất lượng tốt, hạn chế sâu bệnh, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho người sản xuất. Tỷ suất lợi nhuận cây lúa bình quân đạt 0,31 lần (Lợi nhuận/Tổng chi phí).

Cây khoai tây

Khoai tây là một trong những loại cây ưa lạnh phù hợp với điều kiện khí hậu ở miền bắc, được trồng chủ lực trong vụ đông. Trồng khoai tây không mất nhiều công lao động do phần lớn các công đoạn canh tác, làm đất, tưới tiêu, đều thực hiện bằng máy móc. Để đạt năng suất, sản lượng cao, thích ứng với sự biến động thất thường của thời tiết, thị trường tiêu thụ, hàng năm người dân đã chủ động nhân giống, bảo quản những giống khoai tây chất lượng để gieo trồng cho vụ sau. Đồng thời, thường xuyên đưa những bộ giống mới chất lượng về trồng trên đồng ruộng để đánh giá hiệu quả, tiến tới đa dạng bộ giống nhằm "đón lõng" những thay đổi thị hiếu tiêu dùng của thị trường. Tỷ suất lợi

nhuận cây khoai tây bình quân đạt 0,57 lần (Lợi nhuận/Tổng chi phí).

Cây bí xanh

Cây bí xanh có thể trồng trên nhiều loại đất, khả năng sinh trưởng, phát triển và thích ứng rộng, dễ trồng, dễ chăm sóc, ít sâu bệnh. Trong quá trình gieo trồng người nông dân luôn chủ động trong việc gieo trồng, chọn giống, áp dụng kỹ thuật để cho năng suất, chất lượng quả cao. Quá trình sinh trưởng cây bí xanh phải thường xuyên kiểm tra chăm sóc nên ngày công của người nông dân bỏ ra để chăm sóc tương đối nhiều. Tỷ suất lợi nhuận cây bí xanh bình quân đạt 0,50 lần (Lợi nhuận/Tổng chi phí).

Cây dưa chuột

Để trồng dưa chuột đạt được năng suất cao, đòi hỏi phụ thuộc vào nhiều yếu tố như đất đai, thời tiết thuận lợi, người trồng dưa phải có kinh nghiệm thực tế, biết áp dụng khoa học kỹ thuật, khâu chọn giống cũng hết sức quan trọng, nhất là kỹ thuật chăm sóc sao cho dưa ít bị sâu bệnh từ khâu làm đất, xử lý nấm mốc để hạn chế tối đa tỷ lệ dưa bị chết. Dưa chuột được thị trường ưa chuộng, cho hiệu quả kinh tế cao nhưng sản xuất loại cây này cần nhiều công lao động. Tỷ suất lợi nhuận cây dưa chuột bình quân đạt 0,41 lần (Lợi nhuận/Tổng chi phí).

Trong chương ba, nhóm nghiên cứu đã tiến hành các bước để tính toán chỉ tiêu đánh giá hiệu quả. Xây dựng phiếu điều tra, phương án điều tra để xác định được mục đích thu thập các thông tin tính toán các chỉ tiêu. Sau khi có thông tin phiếu điều tra tại hơn 200 hộ được chọn mẫu, nhóm nghiên cứu tiến hành tổng hợp số liệu, tính toán cả chỉ tiêu đầu ra. Qua tổng hợp tính toán đã đánh giá hiệu quả từng loại cây theo các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả.

5. Kiến nghị, đề xuất

Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả trong sản xuất sản phẩm trồng trọt là cơ sở để lựa chọn định hướng công tác thống kê trong thời gian tới bao gồm 02 chỉ tiêu: (1) Chỉ tiêu "Lợi nhuận thu được của một đơn vị diện tích" (sào) sản xuất cây lúa và một số cây hàng năm chủ yếu". (2) Chỉ tiêu "Thu nhập hỗn hợp của một đơn vị diện tích (sào) sản xuất cây lúa và một số cây hàng năm chủ yếu"

Sử dụng kết quả nghiên cứu này làm cơ sở khoa học để rà soát, tính toán hiệu quả sản xuất sản phẩm nông nghiệp trong từng giai đoạn hoặc so sánh hiệu quả sản xuất của các loại cây khác nhau trên cùng địa bàn, cùng một loại cây trồng trên địa bàn khác nhau.

Căn cứ vào kết quả tính toán chỉ tiêu đánh giá hiệu quả có thể đưa ra các khuyến nghị trong chỉ đạo, lãnh đạo chuyển đổi mô hình trong sản xuất nông nghiệp hiệu quả, bền vững.

Kết quả nghiên cứu này để tính toán hiệu quả cho từng năm hoặc giai đoạn, giữa 2 kỳ đại hội... Để thực hiện được công việc này, các địa phương cần bố trí đủ nguồn lực về con người cũng như kinh phí để thực hiện được công tác điều tra, tính toán chỉ tiêu theo yêu cầu./.

Tài liệu tham khảo:

Thủ tướng Chính phủ (2023), Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 về Ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;

Trung tâm Tin học và Thống kê, Bộ NN&PTNT (2021), *Báo cáo điều tra thực trạng và hiệu quả sản xuất ngành trồng trọt năm 2021*;

Tổng cục Thống kê (2021), *Kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020;*

Cục Thống kê tỉnh Thái Bình (2021), *Kết quả điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020;*

Cục Thống kê tỉnh Thái Bình, *Niên giám Thống kê tỉnh Thái Bình năm 2022, năm 2023.*